

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bình và ông Vũ Xuân Dục.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K – tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1984; ĐKKHKT và trú tại: xóm 3, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; ĐKKHKT: xóm 3, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 4, trại giam T, địa chỉ: phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện có mặt chị V, vắng mặt anh H (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng có một thời gian chung sống hạnh phúc sau đó mới phát sinh mâu thuẫn dẫn tới việc chị V yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh H.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V cho rằng: nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H sa vào con đường nghiện hút phải thi hành án tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; sau khi thi hành hình phạt tù chị và gia đình hai bên cũng đã nhiều lần

khuyên bảo nhưng anh H không từ bỏ mà ngày càng lấn sâu hơn từ đó không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau; do đó chị bỏ về nhà mẹ để sống ly thân. Nay lần thứ hai anh H phải đi chấp hành án tù về tội ma túy thì chị thấy tình cảm không còn không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung với anh H được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con cái: chị xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Tiến H, sinh ngày 20/12/2005 và Nguyễn Ngọc Ánh D sinh ngày 23/7/2015 hiện đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con cho chị. Về tài sản: chị V xác định vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: anh xác định điều kiện kết hôn và phân con cái tài sản chị V trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn như chị V trình bày anh còn xác định trong quá trình vợ chồng chung sống, chị V phát hiện anh có những tin nhắn qua lại với người khác nên đã bỏ về nhà bố mẹ để ở còn anh đã ra Hà Nội làm ăn, ở ngoài đó anh tái sử dụng ma túy và phải chấp hành án phạt tù lần thứ hai nên chị V muốn ly hôn với anh; anh biết lỗi hoàn toàn do anh nhưng anh mong chị V suy nghĩ lại cho anh cơ hội sửa chữa. Trường hợp chị V cương quyết đòi ly hôn anh cũng chấp nhận và nhường quyền nuôi cả hai con chung là Nguyễn Tiến H, sinh năm 2005 và Nguyễn Ngọc Ánh D sinh năm 2015 cho chị V do anh đang phải chấp hành án không có điều kiện nuôi dưỡng và đóng góp.

Con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Tiến H sinh ngày 20/12/2005 khi được hỏi ý kiến thì cháu mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự, thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khi tham gia tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn H; về con chung: giao con chung là Nguyễn Tiến H, sinh ngày 20/12/2005 và Nguyễn Ngọc Ánh D sinh ngày 23/7/2015 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị V yêu cầu giải quyết việc ly hôn tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn H có địa chỉ thường trú tại xóm 3, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình căn cứ điều 27 và 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K, tỉnh Ninh Bình; do bị đơn đang chấp hành án tại Phân trại số 4, Trại giam T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa và đã có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị V và anh H đều xác định là do trong quá trình chung sống anh H sa vào con đường nghiện hút mặc dù chị và gia đình hai bên cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không từ bỏ mà ngày càng lún sâu hơn từ đó không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình vợ con ngoài ra chị Vân còn nghi ngờ anh H có quan hệ với người phụ nữ khác nên dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh chửi nhau và chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở sống ly thân anh H. Tại biên bản xác minh của tình trạng hôn nhân ngày 15/5/2018 thì UBND xã N trong quá trình chung sống, vợ chồng chị V có xảy ra mâu thuẫn nên chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, còn anh H đi làm ăn xa và có hành vi vi phạm pháp luật nên đang phải chấp hành hình phạt tù lần 2 tại Phân trại số 4, trại giam T, tỉnh Thanh Hóa.

Như vậy đã có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị V và anh H đã xảy ra từ lâu, mặc dù các bên cùng gia đình đã áp dụng nhiều biện pháp tháo gỡ nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu giải quyết việc ly hôn của chị Nguyễn Thị V với anh Nguyễn Văn H được chấp nhận.

[3] Về con chung: vợ chồng anh H và chị V có hai con chung là Nguyễn Tiến H, sinh ngày 20/12/2005 và Nguyễn Ngọc Ánh D sinh ngày 23/7/2015 hiện đang do chị V nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con đến khi thành niên và không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng mình; anh H cũng xác định nếu phải ly hôn để cho chị V trực tiếp nuôi cả hai con chung. Cháu Nguyễn Tiến H là con chung của anh chị có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy do anh H đang phải chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện nuôi con và đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con được. Mặt khác chị V mặc dù đã được giải thích rõ ràng về nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con chung nhưng vẫn xác định chị đang buôn bán nhỏ, thu nhập khoảng 10.000.000đ (Mười triệu đồng) một tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng cả hai con chung mà không cần sự đóng góp của anh H. Vì vậy căn cứ vào điều 81, 82, 83 luật HNGĐ giao cho chị V

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai con chung và không buộc anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản: do chị V và anh H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí.

1/ Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn H.

2/ Giao chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng là Nguyễn Tiến H, sinh ngày 20/12/2005 và Nguyễn Ngọc Ánh D sinh ngày 23/7/2015 đến khi thành niên. Anh Nguyễn Văn H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị V. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2721 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án huyện K.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh